

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Lâm Sơn;

Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đỗ Thị Như Y, sinh ngày 20-11-2000; cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Trọng H, sinh ngày 28-11-1998; cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-12-2021, bản tự khai, chị Đỗ Thị Như Y trình bày: chị Y và anh H chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày đăng ký 22-02-2021.

Nguyên nhân ly hôn: chị Y có về nhà của cha mẹ của anh H (tại xã L, huyện C) làm dâu được 02 tháng rồi định ngày tổ chức lễ cưới. Dù vậy, gia đình bên chồng không tổ chức lễ cưới viện lý do dịch bệnh. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, cha mẹ của anh H cũng không có ý định tổ chức lễ cưới cho chị Y và anh H. Bên cạnh, anh H không muốn duy trì hôn nhân với chị Y và không chịu

có con chung. Từ đó, chị Y có ý kiến ly hôn thì anh H chấp nhận. Trong thời gian ly thân, anh H không có ý kiến hỏi thăm, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Y. Do đó, chị Y yêu cầu ly hôn với anh H.

Chị Y thống nhất không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục tại phiên tòa.

Chị Đỗ Thị Như Y đã thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt chị Y là đúng quy định.

Anh Nguyễn Trọng H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị Y và anh H đã ly thân, quá trình Tòa án giải quyết anh H không thiện chí hàn gắn, chị Y cũng không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung, tài sản, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Y có đơn khởi kiện đối với anh Hải về yêu cầu ly hôn. Anh H có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Y và anh H xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, chị Y cho rằng vợ chồng chung sống với nhau mà cha mẹ của anh H không tổ chức lễ cưới cho chị Y và anh H. Đồng thời, anh H không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân và không chịu có con chung với chị Y. Bên cạnh đó, cả hai đã ly thân, anh H không có ý kiến thăm hỏi, hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì kết quả xác định: “vấn đề mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H thì địa phương không nắm cụ thể” theo biên bản xác minh ngày 15-02-2022.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải theo yêu cầu ly hôn của chị Y nhưng ý kiến của chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh H. Đồng thời, anh H không có ý định hàn gắn tình cảm, vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án nên việc hòa giải đoàn tụ không thành.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Y yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ do cả hai không còn sống chung trong khoảng thời gian dài, anh H bỏ mặc chị Y trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn, điều đó làm cho quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh H đã thật sự không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H.

[6] Chị Y thống nhất không có con chung, tài sản, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị Y phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Như Y đối với bị đơn anh Nguyễn Trọng H.

Chị Đỗ Thị Như Y được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày đăng ký 22-02-2021 được Ủy ban nhân dân xã L cấp cho chị Y và anh H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: chị Đỗ Thị Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009989 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Chị Y, anh H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân